

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
PETROLIMEX**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 32

250
G T
M H
JIT
NA
- TP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Châu	Chủ tịch
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Phạm Văn Nam	Ủy viên
Ông Huỳnh Đức Thông	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đức Thông	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

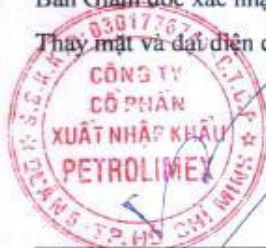
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2014

Số: 051 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 07 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lã Toàn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0771-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	
			31/12/2013	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		524.015.560.688	425.870.457.843
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	168.074.018.889	76.668.931.697
1. Tiền	111		54.057.610.652	8.806.931.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		114.016.408.237	67.862.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	130.000.000	7.735.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		410.000.000	8.015.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(280.000.000)	(280.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.344.022.162	153.915.447.119
1. Phải thu khách hàng	131	8	107.179.339.000	87.663.399.165
2. Trả trước cho người bán	132	9	31.523.843.492	63.519.854.954
3. Các khoản phải thu khác	135	10	4.002.961.633	4.326.943.142
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.362.121.963)	(1.594.750.142)
IV. Hàng tồn kho	140	11	156.860.449.798	148.055.011.725
1. Hàng tồn kho	141		156.860.449.798	148.055.011.725
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		59.607.069.839	39.496.067.302
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		895.513.566	1.261.254.934
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		47.935.611.092	21.898.760.089
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	12	4.480.053.439	4.951.440.417
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	13	6.295.891.742	11.384.611.862
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		130.272.017.628	127.296.711.887
I. Tài sản cố định	220		115.521.860.138	115.603.655.334
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	104.653.988.414	95.795.881.876
- Nguyên giá	222		138.604.465.916	122.777.871.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.950.477.502)	(26.981.989.532)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	10.853.011.597	10.667.774.871
- Nguyên giá	228		12.051.808.002	11.572.522.002
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.198.796.405)	(904.747.131)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		14.860.127	9.139.998.587
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.524.922.558	9.919.922.558
1. Đầu tư dài hạn khác	258	17	10.524.922.558	9.919.922.558
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.225.234.932	1.773.133.995
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.193.234.932	1.466.718.555
2. Tài sản dài hạn khác	268		32.000.000	306.415.440
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		654.287.578.316	553.167.169.730

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	
			31/12/2013	(Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		471.630.814.606	352.832.987.004
I. Nợ ngắn hạn	310		445.350.814.606	320.712.987.004
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	361.346.006.212	237.696.153.951
2. Phải trả người bán	312	19	71.973.275.296	62.414.671.981
3. Người mua trả tiền trước	313		5.583.933.327	12.021.474.289
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	1.012.271.515	1.368.150.835
5. Phải trả người lao động	315		657.182.383	406.387.468
6. Chi phí phải trả	316		907.919.743	502.816.953
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	3.435.432.650	5.625.752.047
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		434.793.480	677.579.480
II. Nợ dài hạn	330		26.280.000.000	32.120.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334	22	26.280.000.000	32.120.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		182.656.763.710	200.334.182.726
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	182.656.763.710	200.334.182.726
1. Vốn điều lệ	411		128.314.550.000	128.314.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.313.588.169	79.313.588.169
3. Cổ phiếu quỹ	414		(12.425.734.109)	(12.425.734.109)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		180.315.826	180.315.826
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.346.611.778	8.346.611.778
6. Lỗ lũy kế	420		(21.072.567.954)	(3.395.148.938)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		654.287.578.316	553.167.169.730

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
1. Nợ khó đòi đã xử lý	4.851.384.265	4.851.384.265
2. Ngoại tệ các loại		
USD	2.076.659,73	47.303,49
EUR	534	202,92



Nguyễn Minh Quang
Người lập biểu



Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng



Hà Huy Thăng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng	01	25	2.363.789.146.700	1.986.099.114.030
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		45.290.034.496	37.954.451.991
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		2.318.499.112.204	1.948.144.662.039
4. Giá vốn hàng bán	11	26	2.234.899.073.631	1.872.729.577.668
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		83.600.038.573	75.415.084.371
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	9.616.435.624	11.613.736.894
7. Chi phí tài chính	22	28	26.420.655.536	20.190.773.771
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.370.888.751	22.954.995.450
8. Chi phí bán hàng	24		48.617.076.284	33.503.997.882
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		35.226.914.446	32.651.064.116
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(17.048.172.069)	682.985.496
11. Thu nhập khác	31		699.818.086	868.136.581
12. Chi phí khác	32		164.438.309	1.221.127.182
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		535.379.777	(352.990.601)
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(16.512.792.292)	329.994.895
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	1.114.045.564	304.424.972
16. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(17.626.837.856)	25.569.923
17. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(1.488)	2



Nguyễn Minh Quang
Người lập biểu



Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng



Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2014

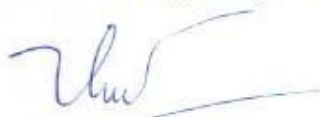
Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lãi trước thuế	01	(16.512.792.292)	329.994.895
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.868.081.748	7.540.589.330
Các khoản dự phòng	03	1.767.371.821	(5.972.955.989)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	957.669.338	191.267.739
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.030.942.695)	(6.627.596.022)
Chi phí lãi vay	06	18.370.888.751	22.954.995.450
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.420.276.671	18.416.295.403
Thay đổi các khoản phải thu	09	(11.610.760.161)	(56.499.651.699)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(8.805.438.073)	(53.488.371.137)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.688.051.656	38.145.116.806
Thay đổi chi phí trả trước và các tài sản khác	12	(503.486.855)	(5.441.567.021)
Tiền lãi vay đã trả	13	(18.251.409.244)	(13.445.784.656)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(430.259.504)	(310.112.235)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	8.654.145.519	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.964.883.680)	(623.869.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.803.763.671)	(73.247.943.539)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(10.119.322.866)	(12.821.606.244)
2. Tiền chi cho vay	23	-	(7.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	7.000.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(605.000.000)
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.619.888.015	6.130.840.234
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.500.565.149	(14.295.766.010)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.656.747.964.215	1.387.750.670.035
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.539.621.773.779)	(1.298.479.059.345)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	-	(5.723.866.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	117.126.190.436	83.547.744.590
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	91.822.991.914	(3.995.964.959)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	76.668.931.697	80.654.647.047
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(417.904.722)	10.249.609
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	168.074.018.889	76.668.931.697



Nguyễn Minh Quang
Người lập biểu



Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng



Hà Huy Thăng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002720 lần đầu vào ngày 01 tháng 10 năm 2004 và các Giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PIT.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 51,99% vốn điều lệ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 03 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 2 số 3700891170 ngày 24 tháng 11 năm 2009), địa chỉ: 51/D1, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002024 ngày 09 tháng 10 năm 2007), địa chỉ: Số 1, Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội; và
- Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309391013 ngày 25 tháng 9 năm 2009), địa chỉ: Phòng 908 tầng 9, Cao ốc Centrepoint, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Và một chi nhánh là Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại Ấp 3, xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 220 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 188).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu;
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất, mua bán các loại thẻ từ, thẻ vi mạch, thẻ điện thoại (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sơn và nguyên liệu, sản phẩm ngành sản xuất sơn (không sản xuất tại trụ sở).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty đo Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ trọng yếu và số dư giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính phái sinh

Công cụ tài chính phái sinh nắm giữ cho mục đích phòng ngừa rủi ro

Các công cụ tài chính phái sinh là hợp đồng mua bán tương lai gắn liền với hợp đồng mua bán hàng hóa gốc phục vụ cho mục đích phòng ngừa rủi ro thì biến động giá trị của hợp đồng tương lai sẽ được ghi tăng hoặc giảm giá vốn trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong trường hợp có sự chênh lệch giữa giá trị của công cụ tài chính và giá trị biến động của hợp đồng mua bán hàng hóa đã ghi nhận trên báo cáo tài chính và giá trị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành và các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2013</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Tiếp theo)

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu của các đơn vị khác với tỷ lệ đầu tư dưới 20% và cho mục đích nắm giữ lâu dài. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và trừ dự phòng giảm khoản đầu tư (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với các hàng hóa đã chuyển giao quyền sở hữu cho khách hàng nhưng chưa chốt giá mua/giá bán, doanh thu được ghi nhận theo giá tạm tính tại thời điểm giao hàng và tại ngày kết thúc năm tài chính được điều chỉnh bằng với chi phí phát sinh có liên quan đến hàng hóa đó (doanh thu chỉ được ghi nhận bằng với chi phí phát sinh).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 21 tỷ đồng, có thể kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của các năm tiếp theo. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ**

Ngày 18 tháng 7 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 713/2013/NQ-HDQT về việc đánh giá khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán lâu ngày với Công ty Derya Ticaret Ltd tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (Công ty con của Công ty) từ năm 2008 như là khoản tổn thất. Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2011 theo đề xuất của Kiểm toán Nhà nước, chi tiết ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh như sau:

Bảng cân đối kế toán

	Mã số	31/12/2012		
		Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Các khoản phải thu khác	135	9.178.327.407	4.326.943.142	(4.851.384.265) {i}
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.400.752.047	5.625.752.047	(775.000.000) {i}
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế	420	681.235.327	(3.395.148.938)	(4.076.384.265) {i}

{i} Tổng giá trị khoản tổn thất do khoản phải thu khó đòi Công ty Derya Ticaret Ltd tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (Công ty con của Công ty) là 4.851.384.265 đồng. Công ty đã thu hồi được số tiền đền bù liên quan đến khoản tổn thất trên là 775.000.000 đồng.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	232.386.606	265.589.084
Tiền gửi ngân hàng	53.825.224.046	8.541.342.613
Các khoản tương đương tiền (i)	114.016.408.237	67.862.000.000
	168.074.018.889	76.668.931.697

(i) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng với thời hạn dưới 3 tháng, lãi suất từ 6,9% đến 7%/năm.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	410.000.000	1.015.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	7.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(280.000.000)	(280.000.000)
	130.000.000	7.735.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Khách hàng trong nước		
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á	11.194.479.845	12.844.707.645
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	9.198.342.110	1.508.804.320
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Vạn Thông	3.986.189.042	4.378.386.942
Công ty Cổ phần Trà Phi	2.875.600.000	-
Doanh nghiệp Tư nhân Sản xuất Hải Sơn	2.286.800.000	-
Các khách hàng trong nước khác	29.146.488.293	22.953.343.826
Khách hàng nước ngoài		
Công ty TNHH Qingdao Free Trade Zone Huigong International Trade (Trung Quốc)	9.208.874.099	-
Công ty TNHH Ab Mauri India Private (Ấn Độ)	5.660.190.800	-
Công ty TNHH Star Industry (Samoa)	4.553.280.000	-
Công ty TNHH Service Industries (Parkistan)	3.529.297.920	-
Công ty A&M Minerals Ltd (Vương Quốc Anh)	7.832.760.737	51.804.480
Công ty Gold Matric Resource Pte Ltd (Singapore)	8.177.336.104	6.939.086.544
Công ty Winfood International (Pháp)	-	3.190.720.000
Công ty TNHH Grupo Industrial Alimenticio Alza (Guatemala)	-	3.388.528.000
Các khách hàng nước ngoài khác	9.529.700.050	32.408.017.408
	<u>107.179.339.000</u>	<u>87.663.399.165</u>

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Mỏ và Luyện kim Thái Nguyên	18.953.696.658	6.286.185.000
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản An Vinh	7.999.999.998	3.939.371.272
Công ty TNHH Khoáng sản An Thái	-	21.852.946.819
Khác	4.570.146.836	31.441.351.863
	<u>31.523.843.492</u>	<u>63.519.854.954</u>

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu từ giao dịch hợp đồng tương lai (i)	1.741.022.157	-
Lãi dự thu	1.010.350.347	599.295.667
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	328.796.387	-
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng	331.235.902	1.045.020.447
Phải thu về các hợp đồng chưa chốt giá (ii)	109.181.594	1.713.548.828
Doanh nghiệp Tư nhân Nguyệt Phương	246.000.000	246.000.000
Phải thu khác	236.375.246	723.078.200
	<u>4.002.961.633</u>	<u>4.326.943.142</u>

(i) Phải thu về giao dịch hợp đồng tương lai phản ánh khoản lãi do thực hiện giao dịch hợp đồng tương lai theo thông báo của nhà môi giới nhưng tiền chưa về tài khoản ký quỹ.

(ii) Theo chính sách ghi nhận doanh thu của Công ty, đối với các lô hàng đã giao nhưng chưa chốt giá với khách hàng/nhà cung cấp, doanh thu sẽ được ghi nhận bằng với chi phí phát sinh. Do vậy, Công ty thực hiện điều chỉnh các chỉ phí liên quan đến các lô hàng đã giao cho khách hàng nhưng chưa chốt giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và phản ánh trên khoản mục "Các khoản phải thu khác".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.162.992.826	6.251.787.110
Công cụ, dụng cụ	79.173.041	15.719.716
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	809.069.697	634.964.089
Thành phẩm	17.230.425.214	11.792.731.541
Hàng hóa	118.023.833.800	128.049.354.049
Hàng hóa bất động sản đầu tư	1.310.455.220	1.310.455.220
Hàng gửi bán	9.244.500.000	-
Cộng	156.860.449.798	148.055.011.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	156.860.449.798	148.055.011.725

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.373.747.032	4.734.630.360
Thuế thu nhập cá nhân	106.306.407	216.810.057
	4.480.053.439	4.951.440.417

13. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng	5.608.609.239	5.657.258.656
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	687.282.503	5.727.353.206
	6.295.891.742	11.384.611.862

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	35.506.964.573	75.931.811.169	8.530.648.845	2.808.446.821	122.777.871.408
Mua trong năm	72.092.600	3.959.011.281	-	175.304.444	4.206.408.325
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	1.881.372.713	12.908.255.688	-	-	14.789.628.401
Phân loại lại	77.850.850	(60.850.850)	(28.189.089)	11.189.089	-
Phân loại lại sang CCDC (*)	(162.141.878)	(1.349.300.633)	(52.650.000)	(1.605.349.707)	(3.169.442.218)
Tại ngày 31/12/2013	37.376.138.858	91.388.926.655	8.449.809.756	1.389.590.647	138.604.465.916
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/1/2013	9.378.148.900	11.740.534.337	4.696.328.935	1.166.977.360	26.981.989.532
Khấu hao trong năm	2.077.006.036	5.472.368.099	769.676.256	236.007.083	8.555.057.474
Phân loại lại	960.365	71.724.259	(542.477.999)	469.793.375	-
Phân loại lại sang CCDC (*)	(66.114.255)	(417.768.707)	(13.073.917)	(1.089.612.625)	(1.586.569.504)
Tại ngày 31/12/2013	11.390.001.046	16.866.857.988	4.910.453.275	783.165.193	33.950.477.502
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	25.986.137.812	74.522.068.667	3.539.356.481	606.425.454	104.653.988.414
Tại ngày 31/12/2012	26.128.815.673	64.191.276.832	3.834.319.910	1.641.469.461	95.795.881.876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

(*) Phân loại lại sang công cụ, dụng cụ (CCDC) là do Công ty kết chuyển các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 đồng sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá của tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.527.309.348 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.879.448.475 đồng).

Toàn bộ giá trị Nhà máy Sản xuất Sơn Petrolimex được dùng để thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0009/NHNT ngày 04 tháng 3 năm 2009 cho Hợp đồng vay dài hạn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày ngày 04 tháng 3 năm 2009. Giá trị còn lại của các tài sản cố định dùng để thế chấp này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 75.928.517.866 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 80.037.554.356 đồng).

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	11.134.529.502	437.992.500	11.572.522.002
Mua trong năm	-	498.261.000	498.261.000
Phân loại lại sang CCDC (*)	-	(18.975.000)	(18.975.000)
Tại ngày 31/12/2013	11.134.529.502	917.278.500	12.051.808.002
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	655.786.869	248.960.262	904.747.131
Khấu hao trong năm	158.974.792	154.049.482	313.024.274
Phân loại lại sang CCDC (*)	-	(18.975.000)	(18.975.000)
Tại ngày 31/12/2013	814.761.661	384.034.744	1.198.796.405
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	10.319.767.841	533.243.756	10.853.011.597
Tại ngày 31/12/2012	10.478.742.633	189.032.238	10.667.774.871

(*) Phân loại lại sang CCDC là do Công ty kết chuyển các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 đồng sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá của tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 111.017.500 đồng.

Quyền sử dụng đất tại Nhà máy Sản xuất Sơn Petrolimex tại lô đất số 231, 232 của khu Công nghiệp Vietship II với diện tích đất khoảng 12.400 m² đã được sử dụng để thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0010/NHNT ngày 04 tháng 3 năm 2009 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 4.575.866.711 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 4.684.844.747 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (i)	Bình Dương	100%	Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ; Hàng tiêu dùng (hàng công nghệ thực phẩm, thực phẩm công nghệ), máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu (không sản xuất, gia công, chế biến tại trụ sở).
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu; Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu...
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Tp. Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, matit (không phải sản xuất tại trụ sở); Bán buôn sơn, vecni, bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh các mặt hàng khác.

Báo cáo tài chính của các công ty con trên được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Số tiền đầu tư vào các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên Công ty con	Giá trị đầu tư tại 31/12/2013	Giá trị đầu tư tại 31/12/2012
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	120.000.000.000	120.000.000.000
	150.000.000.000	150.000.000.000

- (i) Ngày 18 tháng 7 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 699/2013/NQ-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (công ty con của Công ty) để sáp nhập về Công ty kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để thực hiện việc giải thể nêu trên.

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	3.619.922.558	3.619.922.558
Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	6.905.000.000	6.300.000.000
	10.524.922.558	9.919.922.558

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên và nhận thấy không có khoản đầu tư nào có dấu hiệu suy giảm về giá trị, các đơn vị nhận đầu tư đều có lãi và chia cổ tức hàng năm, do vậy Công ty không phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	355.506.006.212	234.096.153.951
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	5.840.000.000	3.600.000.000
	<u>361.346.006.212</u>	<u>237.696.153.951</u>

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>Phương thức</u>
	(VND)	(VND)	<u>đảm bảo</u>
Tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex			
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	103.415.280.438	-	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	145.690.714.131	149.239.126.808	Tín chấp
Tại Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex			
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	9.493.501.400	19.859.920.000	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.938.230.243	9.829.116.743	Tín chấp
Tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	26.607.176.000	16.452.710.400	Thế chấp tài sản
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	54.361.104.000	38.357.280.000	Tín chấp và Thế chấp tài sản
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	358.000.000	Thế chấp tài sản
	<u>355.506.006.212</u>	<u>234.096.153.951</u>	

Công ty vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay năm 2013 bằng VND là khoảng từ 6,8%/năm đến 14%/năm và bằng USD là khoảng từ 3%/năm đến 7,5%/năm.

Các tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 02 xe ô tô của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Bahru Stainless SDN BHD (Malaysia)	38.803.792.068	10.178.034.880
Công ty Acerinox SC Malaysia SDN. BHD. (Malaysia)	5.463.583.332	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung - Chi nhánh Đà Nẵng	5.348.753.000	3.466.747.864
Công ty TNHH Petrolimex Singapore	3.366.517.317	-
Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty 28	2.485.632.000	-
Phải trả người bán khác	16.504.997.579	48.769.889.237
	<u>71.973.275.296</u>	<u>62.414.671.981</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	171.269.185
Thuế xuất nhập khẩu	273.624.264	855.989.557
Thuế thu nhập doanh nghiệp	594.458.954	239.908.197
Thuế thu nhập cá nhân	144.188.297	100.983.896
	<u>1.012.271.515</u>	<u>1.368.150.835</u>

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	(trình bày lại) VND
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	1.073.031.772	1.073.031.772
Kinh phí công đoàn	214.096.581	248.111.016
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	191.135.283	422.247.631
Cổ tức phải trả	534.111.450	534.111.450
Tiền khách hàng đặt cọc	1.000.000.000	1.405.566.000
Lãi hợp đồng phái sinh chưa thực hiện	-	1.636.735.360
Phải trả, phải nợ khác	423.057.564	305.948.818
	<u>3.435.432.650</u>	<u>5.625.752.047</u>

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.840.000.000	3.600.000.000
Trong năm thứ hai	5.840.000.000	5.840.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	17.520.000.000	17.520.000.000
Sau năm năm	2.920.000.000	8.760.000.000
	<u>32.120.000.000</u>	<u>35.720.000.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn - Thuyết minh số 18)	5.840.000.000	3.600.000.000
	<u>26.280.000.000</u>	<u>32.120.000.000</u>

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh khoản vay theo Hợp đồng vay vốn dài hạn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày 04 tháng 3 năm 2009 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng có hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng để đầu tư dự án Nhà máy Sơn Petrolimex. Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hạn nợ gốc là 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Tài sản là nhà Nhà máy Sản xuất Sơn Petrolimex theo Hợp đồng thế chấp số 0009/NHNT ngày 04 tháng 3 năm 2009;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy Sản xuất sơn Petrolimex tại lô đất số 231, 232 của khu Công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m² theo Hợp đồng thế chấp số 0010/NHNT ngày 04 tháng 3 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗi lũy kế (trình bày lại)	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	123.765.030.000	79.313.588.169	(12.425.734.109)	(7.598.018)	4.729.835.826	8.346.611.778	3.029.060.375	206.750.794.021
Tăng vốn	4.549.520.000	-	-	-	(4.549.520.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	25.569.923	25.569.923
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(735.274.787)	(735.274.787)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(5.693.691.500)	(5.693.691.500)
Tăng khác	-	-	-	302.628.938	-	-	-	302.628.938
Giảm khác	-	-	-	(295.030.920)	-	-	(20.812.949)	(315.843.869)
Tại ngày 31/12/2012	128.314.550.000	79.313.588.169	(12.425.734.109)	-	180.315.826	8.346.611.778	(3.395.148.938)	200.334.182.726
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	(17.626.837.856)	(17.626.837.856)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(50.581.160)	(50.581.160)
Tại ngày 31/12/2013	128.314.550.000	79.313.588.169	(12.425.734.109)	-	180.315.826	8.346.611.778	(21.072.567.954)	182.656.763.710

Chi tiết vốn điều lệ:

	Tỷ lệ %	Vốn góp tại ngày 31/12/2013	Vốn góp tại ngày 31/12/2012
		VND	VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	51,99	66.713.430.000	66.713.430.000
Các cổ đông khác	48,01	61.601.120.000	61.601.120.000
	100,00	128.314.550.000	128.314.550.000

Cổ phiếu:

	Đơn vị	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	Cổ phần	12.831.455	12.831.455
Cổ phiếu phổ thông	Cổ phần	12.831.455	12.831.455
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	Cổ phần	989.120	989.120
Cổ phiếu phổ thông	Cổ phần	989.120	989.120
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	11.842.335	11.842.335
Cổ phiếu phổ thông	Cổ phần	11.842.335	11.842.335
Mệnh giá mỗi cổ phần	VND	10.000	10.000

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty tổ chức bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trên cơ sở các công ty hoạt động tương đối riêng biệt theo ngành nghề kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 02 bộ phận kinh doanh sau:

- Kinh doanh thương mại: bao gồm Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội và Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương.
- Sản xuất và kinh doanh sơn: Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

Thông tin về hoạt động kinh doanh của từng bộ phận như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Chỉ tiêu	Kinh doanh	Sản xuất và kinh	Loại trừ	Cộng
	thương mại	doanh sơn	số dư nội bộ	
	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	165.299.525.735	2.774.493.154	-	168.074.018.889
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	130.000.000	-	-	130.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	139.798.112.506	14.733.359.084	(15.187.449.428)	139.344.022.162
Hàng tồn kho	128.118.279.522	28.742.170.276	-	156.860.449.798
Tài sản ngắn hạn khác	56.980.567.167	2.626.502.672	-	59.607.069.839
Tài sản cố định	29.954.990.020	85.566.870.118	-	115.521.860.138
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	85.224.731.587	-	(74.699.809.029)	10.524.922.558
Tài sản dài hạn khác	632.583.671	3.592.651.261	-	4.225.234.932
Tổng Tài sản hợp nhất	606.138.790.208	138.036.046.565	(89.887.258.457)	654.287.578.316
Nguồn vốn				
Nợ ngắn hạn	402.484.706.598	44.928.557.436	(2.062.449.428)	445.350.814.606
Nợ dài hạn	-	39.405.000.000	(13.125.000.000)	26.280.000.000
Vốn chủ sở hữu	203.654.083.610	53.702.489.129	(74.699.809.029)	182.656.763.710
Tổng Nguồn vốn hợp nhất	606.138.790.208	138.036.046.565	(89.887.258.457)	654.287.578.316

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Chỉ tiêu	Kinh doanh	Sản xuất và kinh	Loại trừ giao	Cộng
	thương mại	doanh sơn	địch nội bộ	
	2013	2013	2013	2013
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.384.997.457.942	56.264.350.123	(77.472.661.365)	2.363.789.146.700
Các khoản giảm trừ doanh thu	44.261.004.985	1.123.293.264	(94.263.753)	45.290.034.496
Doanh thu thuần bán hàng	2.340.736.452.957	55.141.056.859	(77.378.397.612)	2.318.499.112.204
Chi phí kinh doanh	2.347.073.441.482	49.048.020.491	(77.378.397.612)	2.318.743.064.361
- Giá vốn hàng bán	2.273.186.663.115	39.049.899.040	(77.337.488.524)	2.234.899.073.631
- Chi phí bán hàng	39.406.758.216	9.251.227.156	(40.909.088)	48.617.076.284
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.480.020.151	746.894.295	-	35.226.914.446
Kết quả kinh doanh bộ phận	(6.336.988.525)	6.093.036.368	-	(243.952.157)
Doanh thu hoạt động tài chính				9.616.435.624
Chi phí hoạt động tài chính				26.420.655.536
Lợi nhuận khác				535.379.777
Lỗ trước thuế				(16.512.792.292)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.114.045.564
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(17.626.837.856)

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Công ty không thành lập các bộ phận kinh doanh nào nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, do vậy toàn bộ các bộ phận kinh doanh của Công ty đều đăng ký và nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. DOANH THU BÁN HÀNG

	2013	2012
	VND	VND
Doanh thu xuất khẩu	1.682.946.960.454	1.359.170.931.262
Doanh thu bán hàng nội địa	680.842.186.246	626.928.182.768
	2.363.789.146.700	1.986.099.114.030
Các khoản giảm trừ doanh thu	45.290.034.496	37.954.451.991
Doanh thu thuần về bán hàng	2.318.499.112.204	1.948.144.662.039

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2013	2012
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa xuất khẩu	1.583.959.780.396	1.270.415.215.856
Giá vốn hàng bán nội địa	650.939.293.235	602.314.361.812
	2.234.899.073.631	1.872.729.577.668

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.447.511.088	5.922.375.522
Cổ tức, lợi nhuận được chia	583.431.607	705.220.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.575.060.454	3.979.341.343
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	191.267.739
Lãi bán hàng trả chậm và khác	10.432.475	815.531.790
	9.616.435.624	11.613.736.894

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.370.888.751	22.954.995.450
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(6.627.902.558)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.138.735.636	3.669.447.304
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	957.669.338	-
Chi phí tài chính khác	953.361.811	194.233.575
	26.420.655.536	20.190.773.771

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex	325.925.680	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương	-	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	788.119.884	304.424.972
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	-	-
	1.114.045.564	304.424.972

30. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị tính	2013	2012
(Lỗ)/Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	(17.626.837.856)	25.569.923
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phần	11.842.335	11.842.878
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/Cổ phần	(1.488)	2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	31.225.355.551	14.415.797.093
Chi phí nhân công	27.086.162.396	19.084.783.402
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.868.081.748	7.540.589.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.314.236.732	28.130.271.823
Chi phí khác bằng tiền	11.498.300.870	18.510.542.188
	126.992.137.297	87.681.983.836

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Các khoản vay	387.626.006.212	269.816.153.951
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	168.074.018.889	76.668.931.697
Nợ thuần	219.551.987.323	193.147.222.254
Vốn chủ sở hữu	182.656.763.710	200.334.182.726
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,20	0,96

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.074.018.889	76.668.931.697
Đầu tư ngắn hạn	130.000.000	7.735.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.820.178.670	90.395.592.165
Đầu tư dài hạn	10.524.922.558	9.919.922.558
Tài sản tài chính khác	687.282.503	5.727.353.206
Tổng cộng	287.236.402.620	190.446.799.626
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	387.626.006.212	269.816.153.951
Phải trả người bán và phải trả khác	75.003.476.082	67.370.065.381
Chi phí phải trả	907.919.743	502.816.953
Tổng cộng	463.537.402.037	337.689.036.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	162.328.909.169	194.369.378.253	92.675.103.569	55.835.832.832
Euro (EUR)	-	651.428.610	14.359.263	5.485.316

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(6.965.380.560)	(13.853.354.542)
Euro (EUR)	1.435.926	(64.594.329)

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và có biện pháp phù hợp phòng ngừa được rủi ro nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản trong 1 năm thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	<u>Tăng/(giảm)</u> <u>số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi</u> <u>nhuận trước thuế</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		VND
VND	+200	(7.752.520.124)
VND	-200	7.752.520.124
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	(5.396.323.079)
VND	-200	5.396.323.079

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường để xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn, Công ty nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty thực hiện mua một số hợp đồng tương lai để phòng ngừa rủi ro đối với các lô hàng đã giao hàng nhưng chưa chốt giá như sau:

	<u>Giá trị mua</u> <u>USD</u>	<u>Giá trị bán</u> <u>USD</u>
Hợp đồng dự phòng rủi ro đã xác định ngày chốt quyền mua, bán	3.217.143	3.233.525
Hợp đồng dự phòng rủi ro chưa xác định ngày chốt quyền bán	910.258	2.303.485

Biến động giá trị hàng hóa của các hợp đồng tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thông qua tài khoản ký quỹ như sau:

	<u>31/12/2013</u> <u>USD</u>
Số tiền ký quỹ tại ngân hàng	15.449
Lãi chưa thực hiện dự kiến của các hợp đồng tương lai	53.824

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản lãi chưa thực hiện dự kiến của các hợp đồng tương lai chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm do các hợp đồng này sẽ được thực hiện tại năm sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến khoản phải thu quá hạn thanh toán khoảng 20 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 3,3 tỷ đồng. Đối với một số khoản phải thu quá hạn nhưng đã có tài sản dùng để đảm bảo thanh toán cho các khoản phải thu với giá trị cao hơn số ghi sổ, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.074.018.889	-	168.074.018.889
Đầu tư ngắn hạn	130.000.000	-	130.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.820.178.670	-	107.820.178.670
Đầu tư dài hạn	-	10.524.922.558	10.524.922.558
Tài sản tài chính khác	687.282.503	-	687.282.503
Tổng cộng	276.711.480.062	10.524.922.558	287.236.402.620
31/12/2013			
Các khoản vay	361.346.006.212	26.280.000.000	387.626.006.212
Phải trả người bán và phải trả khác	75.003.476.082	-	75.003.476.082
Chi phí phải trả	907.919.743	-	907.919.743
Tổng cộng	437.257.402.037	26.280.000.000	463.537.402.037
Chênh lệch thanh khoản thuần	(160.545.921.975)	(15.755.077.442)	(176.300.999.417)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng (trình bày lại)
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.668.931.697	-	76.668.931.697
Đầu tư ngắn hạn	7.735.000.000	-	7.735.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.395.592.165	-	90.395.592.165
Đầu tư dài hạn	-	9.919.922.558	9.919.922.558
Tài sản tài chính khác	5.727.353.206	-	5.727.353.206
Tổng cộng	180.526.877.068	9.919.922.558	190.446.799.626
31/12/2012			
Các khoản vay	237.696.153.951	32.120.000.000	269.816.153.951
Phải trả người bán và phải trả khác	67.370.065.381	-	67.370.065.381
Chi phí phải trả	502.816.953	-	502.816.953
Tổng cộng	305.569.036.285	32.120.000.000	337.689.036.285
Chênh lệch thanh khoản thuần	(125.042.159.217)	(22.200.077.442)	(147.242.236.659)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản tài chính của Công ty nhỏ hơn công nợ tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Ngày 18 tháng 9 năm 2009, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư Nguyên Vũ để thuê văn phòng tại tòa nhà Centre Point - Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền thuê hàng tháng là 106.260.000 đồng.

Ngày 09 tháng 6 năm 2011, Công ty đã ký hợp đồng với XI nghiệp bán lẻ Xăng Dầu - Công ty Xăng Dầu Khu vực 1 để thuê văn phòng tại số 1 Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội, số tiền thuê hàng tháng là 15 Đô la Mỹ/m².

Ngày 20 tháng 6 năm 2013, Công ty đã ký Hợp đồng số 01/2013/HDTN với ông Đỗ Văn Trường để thuê một phần căn nhà số 264 A Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, số tiền thuê hàng tháng là 16.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	2013	2012
		VND	VND
Mua hàng			
Công ty Xăng dầu Khu vực II	Thành viên Petrolimex	76.928.431.053	117.775.832.820
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	30.847.834.240	-
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	566.978.699	-
Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex	Thành viên Petrolimex	341.270.000	-
Công ty Xăng dầu Khu vực II - Xi nghiệp Bán lẻ Xăng dầu	Thành viên Petrolimex	341.428.805	-
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	180.154.368	-
Công ty Xăng dầu Nam Tây nguyên	Thành viên Petrolimex	1.752.727	-
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	1.593.455	-
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên Petrolimex	-	11.604.960.280
Bán hàng			
Công ty Xăng dầu Tiền Giang	Thành viên Petrolimex	247.261.400	154.858.700
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	Thành viên Petrolimex	-	19.393.200
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên Petrolimex	3.158.900	27.569.200
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Thành viên Petrolimex	419.869.329	46.591.609
Xi nghiệp Bán lẻ Xăng Dầu	Thành viên Petrolimex	509.449.813	145.060.000
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	Thành viên Petrolimex	299.805.941	115.732.100
Công ty Xăng dầu Cà Mau	Thành viên Petrolimex	119.844.160	366.467.483
Xi nghiệp Dịch vụ Xây lắp và Thương mại Petrolimex Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	162.644.692	497.022.330
Công ty Cổ phần Xây Lắp 01- Petrolimex	Thành viên Petrolimex	1.918.812.959	1.628.564.500
Công ty Xăng dầu An Giang- TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	97.043.886	136.576.600
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex - Xi nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Xây lắp và Thương mại	Thành viên Petrolimex	36.178.470	142.687.100
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	Thành viên Petrolimex	220.752.100	215.745.400
Công ty Xăng dầu Nghệ An	Thành viên Petrolimex	947.893.395	224.152.300
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	815.593.700	7.640.000
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	Thành viên Petrolimex	389.973.550	110.861.600
Công ty TNHH Gas petrolimex Cần Thơ	Thành viên Petrolimex	138.138.000	499.914.250
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây Lắp III-Petrolimex tại Thành phố Hà Nội	Thành viên Petrolimex	-	185.630.000
Công ty Xăng dầu Long An	Thành viên Petrolimex	456.681.258	100.315.600
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên Petrolimex	606.291.808	-
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Thành viên Petrolimex	69.583.862	102.479.200
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thái Bình	Thành viên Petrolimex	624.717.915	-
Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	980.695.730	443.993.200
Công ty Xăng dầu khu vực V - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	711.160.230	-
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	Thành viên Petrolimex	690.394.710	90.949.400
Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	Thành viên Petrolimex	1.353.740.892	42.765.000
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	1.870.507.092	1.518.724.600
Tổng kho Xăng dầu Đức Giang - Công ty Xăng dầu Khu vực I	Thành viên Petrolimex	207.434.200	-
Công ty Xăng dầu Lào Cai	Thành viên Petrolimex	753.595.441	11.484.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	Thành viên Petrolimex	9.194.792	9.441.000
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Thành viên Petrolimex	164.596.794	78.842.500
Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam - Công ty Xăng dầu Khu vực V - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	137.383.610	-
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Thành viên Petrolimex	1.094.095.655	81.761.725
Công ty Xăng dầu Bến Tre	Thành viên Petrolimex	113.316.085	109.276.740
Xi nghiệp Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Vũng Tàu	Thành viên Petrolimex	32.399.700	8.002.000
Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex	Thành viên Petrolimex	267.963.749	144.417.800
Xi nghiệp Kho vận Xăng dầu K130	Thành viên Petrolimex	26.457.100	25.760.000
Xi nghiệp Xăng dầu K131	Thành viên Petrolimex	169.684.111	9.000.000
Xi nghiệp Kho vận Xăng dầu K132	Thành viên Petrolimex	-	36.225.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	Thành viên Petrolimex	-	10.335.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Sông Hồng	Thành viên Petrolimex	-	31.860.600

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Mối quan hệ	2013	2012
		VND	VND
Bán hàng			
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	Thành viên Petrolimex	3.875.000	15.200.000
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	Thành viên Petrolimex	575.955.596	80.755.000
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	301.820.160	-
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	Thành viên Petrolimex	1.935.982.018	-
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	Thành viên Petrolimex	1.368.243.796	-
Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Trà Vinh	Thành viên Petrolimex	236.593.564	129.755.700
Công ty Xăng dầu Điện Biên	Thành viên Petrolimex	155.280.520	23.725.000
Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	Thành viên Petrolimex	3.247.518.303	235.885.600
Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương	Thành viên Petrolimex	557.269.070	2.502.000
Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên	Thành viên Petrolimex	943.189.854	75.508.500
Công ty Gas Petrolimex Đà Nẵng - Tổng Công ty Gas Petrolimex	Thành viên Petrolimex	192.415.000	498.174.900
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Petrolimex	Thành viên Petrolimex	4.247.100	-
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	Thành viên Petrolimex	1.275.300.976	-
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	Thành viên Petrolimex	288.912.500	-
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	Thành viên Petrolimex	139.320.668	-
Chi nhánh Xăng dầu Kon Tum	Thành viên Petrolimex	415.537.430	-
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Thuận	Thành viên Petrolimex	517.154.113	-
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	Thành viên Petrolimex	240.520.950	-
Công ty Xăng dầu Hà Giang	Thành viên Petrolimex	826.759.617	-
Công ty Xăng dầu Khu vực I	Thành viên Petrolimex	435.968.242	-
Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	Thành viên Petrolimex	903.741.178	-
Chi nhánh Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần Nhà máy LPG Cần Thơ	Thành viên Petrolimex	19.687.500	-
Công ty Xăng dầu Bình Định	Thành viên Petrolimex	318.161.404	-
Công ty Xăng dầu Yên Bái - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	135.388.115	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	Thành viên Petrolimex	241.279.596	-
Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	Thành viên Petrolimex	62.016.300	-
Công ty Xăng dầu Khu vực II TNHH MTV-Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	Thành viên Petrolimex	-	70.320.000
Công ty Xăng dầu Khu vực III	Thành viên Petrolimex	828.208.215	34.347.200
Cảng dầu B12	Thành viên Petrolimex	21.851.600	17.924.900
Công ty TNHH Bê tông và Xây lắp Petrolimex	Thành viên Petrolimex	-	15.034.000
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Thành viên Petrolimex	-	28.490.000
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Thành viên Petrolimex	97.735.600	3.802.200
Chi nhánh Xăng dầu Bình Thuận	Thành viên Petrolimex	441.631.897	-
Chi nhánh Xăng dầu Đắk Nông	Thành viên Petrolimex	280.614.032	-
Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	Thành viên Petrolimex	35.456.318	-
Chi nhánh Xăng dầu Phú Yên	Thành viên Petrolimex	207.730.382	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây Lắp I - Petrolimex tại Hải Phòng	Thành viên Petrolimex	15.921.000	-
Chi nhánh Xăng dầu Bạc Liêu	Thành viên Petrolimex	5.904.200	-
Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	Thành viên Petrolimex	90.686.170	-
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm PJICO	Thành viên Petrolimex	194.770.480	-
Công ty Xăng dầu Quảng Trị	Thành viên Petrolimex	151.201.520	-
Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh	Thành viên Petrolimex	294.214.350	-
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	51.397.200	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		3.337.953.682	3.639.875.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công nợ phải thu			
Công ty Xăng dầu Long An	Thành viên Petrolimex	28.616.222	44.190.012
Công ty Xăng dầu Tiền Giang	Thành viên Petrolimex	73.763.132	9.505.500
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Thành viên Petrolimex	17.894.039	3.297.359
Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	185.842.144	182.438.716
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	356.127.379	695.426.866
Công ty Xăng dầu Cà Mau	Thành viên Petrolimex	-	35.555.080
Xí nghiệp Dịch vụ Xây lắp và Thương mại Petrolimex Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	32.930.370	31.513.790
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Thành viên Petrolimex	787.059.990	49.902.135
Công ty Cổ phần Xây Lắp 01- Petrolimex	Thành viên Petrolimex	1.319.361.742	1.033.852.475
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex tại Hà Nội	Thành viên Petrolimex	24.900.848	154.902.588
Công ty Cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex	Thành viên Petrolimex	35.575.316	113.036.064
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	Thành viên Petrolimex	582.880.290	88.830.500
Công ty Xăng dầu Nghệ An	Thành viên Petrolimex	303.625.011	76.251.730
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trà Vinh	Thành viên Petrolimex	7.202.286	87.663.961
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	Thành viên Petrolimex	-	254.228.548
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Thành viên Petrolimex	-	10.111.200
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex tại Thành phố Hà Nội	Thành viên Petrolimex	-	157.825.800
Công ty Xăng dầu Khu vực III - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	427.454.676	-
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên Petrolimex	94.439.879	-
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Thành viên Petrolimex	18.939.940	-
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Công ty Xăng dầu Khu vực I - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	155.108.029	-
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	Thành viên Petrolimex	222.341.730	-
Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	Thành viên Petrolimex	196.916.395	-
Công ty Xăng dầu Lào Cai	Thành viên Petrolimex	12.879.824	-
Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam - Công ty Xăng dầu Khu vực V - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	1.358.863	-
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	Thành viên Petrolimex	442.109.902	-
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	Thành viên Petrolimex	109.338.800	-
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	Thành viên Petrolimex	231.667.787	-
Công ty Xăng dầu Điện Biên	Thành viên Petrolimex	9.060.051	-
Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương	Thành viên Petrolimex	182.768.816	-
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	Thành viên Petrolimex	104.330.908	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Petrolimex	Thành viên Petrolimex	4.671.810	-
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	Thành viên Petrolimex	464.002.181	-
Chi nhánh Xăng dầu Kon Tum	Thành viên Petrolimex	125.779.952	-
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	Thành viên Petrolimex	208.250	-
Công ty Xăng dầu Khu vực I	Thành viên Petrolimex	248.293.486	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO	Thành viên Petrolimex	7.044.964	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	Thành viên Petrolimex	7.586.480	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bình Định	Thành viên Petrolimex	1.055.205	-
Công ty Xăng dầu Khu vực 5 - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	242.123.277	-
Công ty Xăng dầu Hà Giang	Thành viên Petrolimex	272.903.522	-
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Thành viên Petrolimex	1.586.808	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	Thành viên Petrolimex	55.205.251	-
Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh	Thành viên Petrolimex	15.473.859	-
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	12.873.995	-
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Bình - Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	351.282.415	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau (Tiếp theo):

	Mối quan hệ	31/12/2013	31/12/2012
		VND	VND
Các khoản phải thu			
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	110.904.338	-
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Thành viên Petrolimex	105.277.263	-
Xí nghiệp Xăng dầu K131	Thành viên Petrolimex	72.885.853	-
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP	Thành viên Petrolimex	160.053.850	-
Chi nhánh Xăng dầu Phú Yên	Thành viên Petrolimex	12.075.630	-
Công ty Xăng dầu Quảng Trị	Thành viên Petrolimex	4.772.652	-
Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	Thành viên Petrolimex	45.662.395	-
Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	Thành viên Petrolimex	38.154.690	-
Chi nhánh Xăng dầu Đắk Nông	Thành viên Petrolimex	238.411.986	-
Chi nhánh Xăng dầu Bình Thuận	Thành viên Petrolimex	475.540.223	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây Lắp 1-Petrolimex tại Hải Phòng	Thành viên Petrolimex	17.513.100	-
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu- Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	10.269.710	-
Công nợ phải trả			
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Petrolimex	1.073.031.772	1.073.031.772
Công ty Xăng dầu Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành viên Petrolimex	432.000	432.000
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	32.130.700	-
Công ty Xăng dầu Khu vực II	Thành viên Petrolimex	1.771.387.983	5.536.262.682
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	1.928.000	-
Công ty TNHH Gas Petrolimex Chi nhánh Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	985.988	252.304.800
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ Phần Xây Lắp III - Petrolimex	Thành viên Petrolimex	-	193.000.000
Người mua ứng trước			
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	Thành viên Petrolimex	1.276.231	1.688.466
Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu	Thành viên Petrolimex	1.487.151	3.959.422
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	Thành viên Petrolimex	-	6.204.640
Xí nghiệp Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Vũng Tàu	Thành viên Petrolimex	243.206	-
Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên	Thành viên Petrolimex	6.021.863	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thái Bình	Thành viên Petrolimex	1.417.419	-
Công ty Xăng dầu Cà Mau	Thành viên Petrolimex	5.380.155	-
Công ty Xăng dầu B12 - Cảng dầu B12	Thành viên Petrolimex	875.017	-
Công ty Xăng dầu Bến Tre	Thành viên Petrolimex	67.120	-
Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	Thành viên Petrolimex	30.048.001	-
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	Thành viên Petrolimex	241.268	-
Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	Thành viên Petrolimex	17.803.329	-
Công ty Xăng dầu Yên Bái - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	33.414.765	-
Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	Thành viên Petrolimex	593.992	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5.



Nguyễn Minh Quang
Người lập biểu



Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng



Hà Huy Thăng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2014